

Bản án số: 374/2020/DS-PT  
Ngày 21- 9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tiến Dũng

*Các Thẩm phán*

Bà Nguyễn Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLPT - DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS - ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MD4 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 350/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **NTT1**, sinh năm 1960; *Có mặt.*

Trú tại: Đội 06, thôn DB2, xã HT3, huyện MD4, Hà Nội.

**Bị đơn:** Bà **NTM5**, sinh năm 1971; *Vắng mặt.*

Trú tại: Đội 06, thôn DB2, xã HT3, huyện MD4, Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà M5:* Anh **NCL6**, sinh năm 1994. Trú tại: Đội 06, thôn DB2, xã HT3, huyện MD4, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

*Do có kháng cáo của bị đơn là bà NTM5.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà NTT1 trình bày:*

Ngày 30/12/2014, bà NTM5 (là cháu họ của chồng bà) có đến hỏi vay bà số tiền 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*) để trả nợ và nuôi các con ăn học đại học. Bà M5 hứa khi các con ra trường, có công việc, thu nhập sẽ trả nợ cho bà. Bà đã đồng ý cho vay, giao tiền và viết Giấy biên nhận có chữ ký của bà M5 .

Đến ngày 08/05/2015, bà M5 lại đến vay thêm 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) với lý do là các con thi tốt nghiệp ra trường và xin việc

làm. Vì tin tưởng và giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, nên bà đã đồng ý cho bà M5 vay thêm. Tổng cộng số tiền là 99.000.000 đồng (*Chín mươi chín triệu đồng*), không tính lãi suất. Cả hai lần vay tiền bà T1, bà M5 đều viết và ký nhận vào 01 Giấy biên nhận mà bà đã xuất trình cho Tòa án (Bản gốc).

Cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện về kinh tế nhưng bà M5 vẫn cố tình chây ỳ, bội tín, thoái thác không trả nợ, lại còn xúc phạm, chửi bới bà và gia đình. Bên cạnh đó, bà M5 còn chối bỏ việc nợ tiền của bà và vu cáo cho bà là giả mạo chữ ký, chữ viết của bà M5 trong Giấy biên nhận. Bà đã nộp chi phí để yêu cầu giám định và kết luận là đúng chữ ký của bà M5, khi đó bà M5 mới chịu công nhận khoản công nợ 77.000.000 đồng và cho rằng đã trả nợ mặc dù không có giấy tờ nào chứng minh việc đã trả nợ đó. Bà xác định đây là số tiền riêng của bà cho cá nhân bà M5 vay, không liên quan đến chồng, con bà M5.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M5 phải trả nợ cho bà số tiền là 99.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà NTM5 trình bày:*

Theo “Giấy biên nhận” đề ngày 30/12/2014 và ngày 08/05/2015 mà bà NTT1 nộp cho Tòa án để khởi kiện, đòi bà số tiền 99.000.000 đồng, thời gian đầu làm việc với Tòa án, do thời điểm vay từ 2014 và 2015 đã quá lâu, nên bà có lời khai mâu thuẫn và không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà T1, vì không có việc bà vay tiền, không có Giấy biên nhận, tài liệu mà bà T1 giao nộp cho Tòa án là giả mạo, bịa đặt, vu khống và dàn dựng nhưng sau khi được Tòa án thông báo kết quả giám định của Công an Thành phố Hà Nội thì bà nhớ lại và xác định: Bà có vay của bà NTT1 số tiền 77.000.000 đồng nhưng là khoản tiền dồn từ công phường, họ tương trợ trong nhân dân chứ không vay tiền mặt của bà T1. Chữ ký và chữ viết họ, tên của bà trong “Giấy biên nhận” đề ngày 30/12/2014 là đúng, việc bà ký, viết vào Giấy biên nhận là tự nguyện, không bị đe dọa, lừa dối, ép buộc gì, bà đã trả hết khoản nợ này cho bà T1 nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã thanh toán.

Đối với số tiền 22.000.000 đồng ngày 08/5/2015 cùng ghi trong giấy “Giấy biên nhận” trên, thì bà khẳng định không vay, chữ viết họ, tên và chữ ký bên dưới khoản vay này không phải do bà ký và viết.

Việc bà vay tiền của bà T1 là khoản vay riêng, không liên quan đến chồng và các con của bà (chồng bà đã chết năm 2015), không sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình. Bà yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà T1. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện MD4, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà NTT1 đối với bà NTM5.

2. Buộc bà NTM5 phải trả cho bà NTT1 tổng số tiền 99.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi chín triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà NTM5 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện MD4. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không nộp thêm tài liệu nào khác, nguyên đơn khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu của mình; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ kiện.

+ Đại diện theo ủy quyền của bà M5 xác nhận nợ 77.000.000 đồng đã trả. Khoản tiền này là tiền chơi họ chứ không phải là tiền vay trực tiếp. Bà M5 cũng không vay của bà T1 22.000.000 đồng vì bà M5 không ký. Không thừa nhận kết luận giám định, đề nghị Tòa án triệu tập giám định viên đến phiên tòa và đề nghị xin thay đổi Chủ tọa phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội với lý do đã tham gia phiên tòa xử vụ án khác cùng là quan hệ vay nợ giữa bà T1 và bà M5.

+ Bà T1 xác định khoản 77.000.000 đồng và 22.000.000 đồng là tiền bà M5 vay của bà T1, không phải tiền chơi họ. Bà T1 cùng một số người làng trong đó có bà M5 có tổ chức chơi họ số tiền chồng bà T1 nhận của bà M5 là tiền chơi họ, không liên quan đến tiền bà M5 vay của bà. Bà xác định bà M5 vẫn nợ bà 99.000.000 đồng chưa trả.

+ Đại diện VKSNDTP Hà Nội tham gia tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình thụ lý hồ sơ, lấy lời khai của đương sự, thời gian đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng tại phiên tòa. Các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung, sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh tụng trực tiếp tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận xét vụ kiện như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà NTM5 nộp trong thời hạn theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tòa án nhân dân huyện MD4 đã thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trên không liên quan đến mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, không dựa trên căn cứ xác lập giữa vợ và chồng, không dùng để vợ chồng kinh doanh chung, không liên quan đến quy định khác về nghĩa vụ vay tiền và đại diện trong kinh doanh, không thuộc các nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, bản thân chồng bà M5 là ông Nguyễn

Công Thụ (Đã chết năm 2015) và không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình của các bên nguyên đơn, bị đơn nên xác định tư cách của nguyên, bị đơn tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà NTM5 đề nghị xin thay đổi Chủ tọa phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa với lý do đã tham gia phiên tòa xử vụ án khác cùng là quan hệ vay nợ giữa bà T1 và bà M5. Sau khi hội ý, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bà NTM5, vì hai vụ án thụ lý độc lập nhau, việc tham gia xét xử của Chủ tọa phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không làm ảnh hưởng đến việc xét xử độc lập và tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong vụ án này. Lý do của việc xin thay đổi không phù hợp với quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 60 bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu triệu tập Giám định viên của đại diện theo ủy quyền của bà NTM5, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc giám định đã đầy đủ rõ ràng, các tài liệu có trong hồ sơ đã đầy đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu triệu tập Giám định viên.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà NTM5:

Xét Giấy biên nhận ngày 30/12/2014 với nội dung bà NTM5 có vay tiền của bà NTT1 số tiền 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*); ngày 08/5/2015, bà M5 vay thêm 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) của bà T1. HĐXX thấy: Xuất phát từ quan hệ họ hàng, vì mục đích tương trợ giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, xác định thời gian các bên đương sự giao kết 02 khoản nợ trên từ tháng 12/2014 và tháng 5/2015 với cùng nội dung bà M5 có vay tiền bà T1. Cả hai khoản nợ trên các đương sự không hề xác nhận thời hạn vay, cũng không thỏa thuận về lãi suất. Việc vay nợ giữa các bên đương sự có viết giấy, có ký nhận trên cơ sở tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc, lừa dối. Nội dung “Giấy biên nhận” bà M5 vay tiền của bà T1 làm hai lần do bà T1 viết, còn bà M5 là người ký vay tiền.

Đối với khoản nợ 77.000.000 đồng bà M5 vay bà T1 ngày 30/12/2014. Bà M5 là người vay tiền đã thừa nhận có việc bà vay số tiền này, nhưng là khoản tiền dòn công họ tương trợ trong nhân dân và bà M5 đã trả nợ từ lâu, tuy nhiên không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc trả nợ đối với khoản tiền này hoặc có sự việc liên quan đến công họ. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà M5 cho rằng số tiền 77.000.000 đồng là tiền chơi họ và đã trả hết bà T1. Bà T1 không thừa nhận và xác định số tiền 77.000.000 đồng không phải tiền chơi họ mà là tiền bà M5 vay để nuôi con ăn học và bà M5 chưa trả bà T1 đồng nào.

Đối với số tiền 22.000.000 đồng bà M5 vay thêm vào ngày 08/5/2015, bà M5 không thừa nhận khoản vay này và không thừa nhận chữ viết họ tên “NTM5” và chữ ký: “Minh” ở phần phía dưới Giấy biên nhận là của bà. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 6612/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 23/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết) “Minh”, chữ viết dòng họ tên “NTM5” dưới chữ ký mục “Người vay

ký” trên mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên NTM5 trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà M5 xác định “Chữ ký Minh, NTM5” là chữ ký của bà, nhưng có trước khi vay 77.000.000 đồng. Nội dung “Cộng hòa xã hội... chữ bảy bảy triệu tròn. Người vay ký” được viết chen vào sau khi đã có chữ ký của bà từ trước. Còn nội dung từ: “Ngày 08/5/2015... chữ hai mươi hai triệu tròn” thì chữ ký ở phía dưới “Minh, NTM5” không phải chữ ký của bà và đề nghị giám định các nội dung trên.

Tại bản Kết luận giám định số 116/C09-P5 ngày 22/7/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công An, đã kết luận: 5.1. Chữ ký, chữ viết đứng tên NTM5 (dòng chữ viết thứ 16,17 từ trên xuống) trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên NTM5 (dòng chữ viết thứ 11, 12 từ trên xuống) trên mẫu cần giám định ký hiệu A và chữ ký, chữ viết của NTM5 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra. 5.2. Không đủ cơ sở kết luận nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A từ các chữ “Cộng hòa – xã hội – chủ nghĩa – Việt Nam” đến các chữ “Người vay ký” (từ dòng chữ viết thứ 1 đến dòng chữ viết thứ 10 từ trên xuống) có phải được viết sau khi có chữ ký, chữ viết đứng tên NTM5 (dòng chữ viết thứ 11,12 từ trên xuống) hay không.

Như vậy, xác định chữ ký và chữ viết “Minh, NTM5” trong “Giấy biên nhận” tại các dòng 11,12 và 16,17 từ trên xuống là của bà NTM5. Việc bà M5 cho rằng nội dung của số tiền vay 77.000.000 đồng được viết thêm vào, sau khi bà ký là không có căn cứ.

Theo ông Nguyễn Đức Lâm chồng bà T1 thì ngày 19/01/2018 ông có viết giấy nhận của bà M5 12.000.000 đồng nhưng số tiền trên là tiền phường họ giữa bà M5 và Bà T1. Số tiền trên không liên quan đến tiền vay nợ của bà T1 và Bà M5. Bà Lê Thị Phi trình bày: Giữa bà, bà Minh, bà T1 và một số người khác có tổ chức chơi họ (phường). Khi đang chơi dở, bà đã đóng cho bà T1 được 37.400.000 đồng thì mọi người không tổ chức chơi nữa. Bà T1 phải trả lại cho bà 37.400.000 đồng. Bà T1 có nói với bà Phi số tiền trên sẽ do bà M5 trả vì bà M5 đang nợ bà T1. Bà M5 đã trả bà 26.000.000đ. Giữa bà và bà T1 không liên quan gì nữa. Việc vay nợ giữa bà T1 với bà M5 như nào bà không biết.

Theo bà T1 trình bày: Số tiền bà M5 nợ bà T1 là tiền bà cho bà M5 vay để nuôi các con ăn học. Bà M5 chưa trả cho bà T1 đồng tiền nào. Số tiền này không liên quan đến việc chơi họ. Số tiền 37.400.000 đồng là tiền chơi họ không liên quan đến việc bà M5 nợ bà 99.000.000 đồng. Số tiền chơi họ này đã được giải quyết giữa bà T1, bà M5 và bà Phi.

Tại giấy biên nhận do bà T1 xuất trình cũng không thể hiện số tiền 99.000.000 đồng là tiền liên quan đến việc chơi họ.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để xác định bà NTM5 đã vay nợ khoản tiền 22.000.000 đồng (ngày 08/5/2015) và 77.000.000 đồng (ngày 30/12/2014) của bà T1 là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Kết luận giám định số 6612/KLGD-PC09-Đ4 ngày 23/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội, Kết luận

giám định số 116/C09-P5 ngày 22/7/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công An. Tổng số nợ gốc mà bà NTM5 nợ của bà NTT1 (Cả 02 lần) là: 99.000.000 đồng (*chín mươi chín triệu đồng*). Bà M5 chưa trả bà T1 đồng tiền gốc nào.

Nay bà NTT1 yêu cầu buộc bà NTM5 phải trả toàn bộ số tiền: 99.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MD4, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Về án phí: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện MD4, thành phố Hà Nội như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà NTT1 đối với bà NTM5.

2. Buộc bà NTM5 phải trả cho bà NTT1 số tiền 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*) theo giấy biên nhận ngày 30/12/2014 và 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) ngày 08/5/2015; Tổng số tiền là 99.000.000 đồng (*Chín mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Bà NTM5 phải nộp 4.950.000 đồng (*Bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà NTT1 2.475.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0002482 ngày 04/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MD4, thành phố Hà Nội.

Bà NTM5 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002530 ngày 21/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MD4, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện MD4;
- Chi cục THADS huyện MD4;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Tiến Dũng**

## **CÁC THẨM PHÁN**

## **THẨM PHÁN-CHỦ TOÀ PHIÊN TOÀ**